

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-02-2023
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Bà Nguyễn Thị Công Mừng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 577/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Phương Th, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Sàng Bền, xã Tân Quang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B., sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn Sàng Bền, xã Tân Quang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22-11-2022 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lê Phương Th, bản tự khai của bị đơn anh Nguyễn Văn B, thì nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Phương Th và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau vào năm 2013, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, chị Th anh B có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới chị Th anh B về chung sống cùng nhau ngay và ở tại gia đình anh B. Chị Th và anh B đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến khoảng giữa năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống không có hạnh phúc, tình trạng này kéo dài nhiều năm mà không cải thiện được. Anh B cho rằng chị Th lạnh nhạt với anh B một phần là do chưa có con chung, chị Th muốn sinh con nhưng anh B lại bận công việc không có thời gian sinh con. Gia đình họ hàng hai bên cũng có hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành. Nay chị Th thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Anh B không nhất trí ly hôn với chị Th, nếu chị Th kiên quyết ly hôn anh B yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Chị Lê Phương Th và anh Nguyễn Văn B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Lê Phương Th và anh Nguyễn Văn B không có tài sản chung, công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Lê Phương Th và anh Nguyễn Văn B vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Phương Th, cho chị Lê Phương Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Các đương sự không có con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Lê Phương Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Phương Th có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Bị đơn anh Nguyễn Văn B đang sinh sống và ở tại thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Phương Th và anh Nguyễn Văn B vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Lê Phương Th và anh Nguyễn Văn B,.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị Lê Phương Th và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 07 tháng 11 năm 2013. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Như vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình chung sống chỉ được một thời gian ngắn là hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, xích mích. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn

vợ chồng giữa chị Th anh B là có thật. Sau khi thụ lý vụ án chị Th cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau nữa. Anh B cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ không nghiêm trọng, tuy nhiên vợ chồng có một số quan điểm không thể thống nhất được với nhau, vợ chồng đã cố gắng nhưng không thể hòa thuận tình trạng này đã kéo dài nhiều năm nay. Anh B xác định vẫn còn tình cảm với chị Th nên vẫn mong muốn chị Th suy nghĩ lại đoàn tụ gia đình. Quá trình giải quyết, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Bị đơn anh Nguyễn Văn B cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nếu chị Th kiên quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị Lê Phương Th và anh Nguyễn Văn B, đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Phương Th và anh Nguyễn Văn B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Phương Th được ly hôn anh Nguyễn Văn B, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc cho chị Lê Phương Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn B phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Các đương sự không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Lê Phương Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều

51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Phương Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về án phí: Chị Lê Phương Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015118 ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Lê Phương Th đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Số 98/2013)
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Đức Nhường